

Thông số kĩ thuật xe BRZ

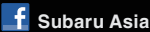
| Động cơ và Hộp số                                        |  | BRZ 6AT EyeSight                                                            |
|----------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------|
| Dung tích động cơ                                        |  | 2387 cc                                                                     |
| Loại động cơ                                             |  | Động cơ Boxer 4 xy lạnh, D-4S, DOHC 16-Valve, máy xăng                      |
| Công suất và Mô-men xoắn                                 |  | 237 PS @7000 rpm & 250 Nm @3700 rpm                                         |
| Dung tích thùng nhiên liệu                               |  | 50 lít                                                                      |
| Hộp số                                                   |  | Tự động 6 cấp với lấy chuyển số                                             |
| Khả năng vận hành & tiêu thụ nhiên liệu                  |  |                                                                             |
| Khả năng tăng tốc từ 0-100 km/h                          |  | 6,9 giây                                                                    |
| Vận tốc tối đa                                           |  | 216 km/h                                                                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu                                      |  | Chu trình kết hợp/trong đô thị/ngoài đô thị (lít/100km): 7,5 / 10,94 / 5,45 |
| Tiêu chuẩn khí thải                                      |  | EURO 5                                                                      |
| Thông số                                                 |  |                                                                             |
| Dài / Rộng / Cao                                         |  | 4265 mm / 1775 mm / 1310 mm                                                 |
| Cỡ lốp                                                   |  | 215/40 R18                                                                  |
| Chiều dài cơ sở / Khoảng sáng gầm                        |  | 2575 mm / 130 mm                                                            |
| Trọng lượng không tải                                    |  | 1310 kg                                                                     |
| Ngoại thất                                               |  |                                                                             |
| Đèn pha LED tự động                                      |  | •                                                                           |
| Cụm đèn hậu LED kết hợp                                  |  | •                                                                           |
| Gương hậu gập điện                                       |  | •                                                                           |
| Kính chống tia UV: kính cửa trước và sau                 |  | •                                                                           |
| Mâm hợp kim nhôm 18 inch (xám đen mờ ánh kim)            |  | •                                                                           |
| Tấm ốp găm động cơ và hộp số                             |  | •                                                                           |
| Hốc gió cản trước                                        |  | •                                                                           |
| Hốc gió mang cá trước                                    |  | •                                                                           |
| Cánh lướt gió hông                                       |  | •                                                                           |
| Vây cá ốp vè sau                                         |  | •                                                                           |
| Cánh lướt gió đuôi vịt phía sau                          |  | •                                                                           |
| Cánh gió găm phía sau                                    |  | •                                                                           |
| Ăng ten vây cá                                           |  | •                                                                           |
| Ống xả đôi                                               |  | •                                                                           |
| Tính năng lái                                            |  |                                                                             |
| Kiểm soát ổn định thân xe VDC                            |  | •                                                                           |
| Chế độ lái SPORT và SNOW                                 |  | •                                                                           |
| Chế độ lái TRACK Mode                                    |  | •                                                                           |
| Khởi hành ngang dốc                                      |  | •                                                                           |
| Torsen LSD (Vi sai chống trượt) <sup>1</sup>             |  | •                                                                           |
| EyeSight                                                 |  |                                                                             |
| Phanh tránh và chạm PCB                                  |  | •                                                                           |
| Kiểm soát hành trình thích ứng ACC                       |  | •                                                                           |
| Cảnh báo đảo làn và chệch làn                            |  | •                                                                           |
| Kiểm soát bướm ga tránh va chạm PCTM                     |  | •                                                                           |
| Cảnh báo phương tiện phía trước di chuyển                |  | •                                                                           |
| An Toàn                                                  |  |                                                                             |
| Túi khí SRS trước <sup>2</sup>                           |  | •                                                                           |
| Túi khí SRS hông trước (ghế lái và phụ lái) <sup>2</sup> |  | •                                                                           |
| Túi khí rèm SRS (hai bên, trước sau) <sup>2</sup>        |  | •                                                                           |
| Túi khí đầu gối SRS <sup>2</sup>                         |  | •                                                                           |
| Đèn pha tự động điều chỉnh theo góc lái SRH              |  | •                                                                           |
| Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau SRVD             |  | •                                                                           |
| Đèn pha thông minh HBA                                   |  | •                                                                           |
| Phanh tự động khi lùi RAB                                |  | •                                                                           |
| Camera lùi                                               |  | •                                                                           |
| Móc khóa dây an toàn ghế lái với cơ chế căng đai         |  | •                                                                           |
| Tín hiệu báo phanh khẩn cấp                              |  | •                                                                           |

Thông số kĩ thuật chi tiết có thể thay đổi tùy theo từng thị trường



SUBARU

BÙNG NỔ  
ĐAM MÊ  
BRZ



www.subaru.asia

<sup>1</sup> Torsen LSD: Torsen là nhãn hiệu đã đăng kí của Tập đoàn JTEKT Inc. <sup>2</sup> SRS: Hệ thống an toàn dự phòng. Hiệu quả khi được sử dụng cùng dây đai an toàn.

# MANH MẼ x TỐC ĐỘ SẴN SÀNG BÙNG NỔ<sup>2</sup>

## TRẢI NGHIỆM MẪU XE THỂ THAO THUẦN TÚY

Công suất mạnh mẽ hơn, mô-men xoắn cao hơn và khả năng tăng tốc tốt hơn, Subaru BRZ mang lại khả năng xử lý lái ưu việt hơn, cân bằng tốt hơn và khả năng trải nghiệm chất thể thao phấn khích hơn nhưng đồng thời luôn được đảm bảo sự an toàn và đáng tin cậy của riêng thương hiệu Subaru.



### Đèn pha LED

Để nhận diện vào cả ban ngày và ban đêm, đèn pha LED hình chữ C đặc trưng của Subaru BRZ có chức năng cân bằng góc chiếu.



### Bộ mâm xe hợp kim nhôm 18 - inch

Mâm xe màu xám đen mờ tạo hiệu suất lái thể thao tuyệt vời hơn, cùng với đó là trải nghiệm lái thêm phần phấn khích và thú vị.



### Ống xả kép

Bộ ống xả thể thao cho khả năng xử lý công suất động cơ cao hơn trong khi trọng lượng xe nhẹ hơn. Đường xả thiết kế thẳng ít uốn cong cho lượng khí thải ra nhanh hơn.

## CÂN BẰNG GIỮA HIỆU SUẤT VẬN HÀNH VÀ SỰ PHẤN KHÍCH

Khoang cabin hoàn toàn mới để trải nghiệm hiệu suất vận hành thể thao tiên tiến đi cùng với sự thuận tiện và thoải mái



01 Vô-lăng bọc da

02 Bảng đồng hồ kết hợp với Màn hình hiển thị đa thông tin

03 Ghế ngồi bọc da cao cấp và vải Ultrasuede<sup>\*1</sup>

<sup>\*1</sup> Ultrasuede là một nhãn hiệu đã được đăng ký của Tập đoàn công nghiệp Toray.

## NÂNG CẤP HƠN VỚI CÁC CÔNG NGHỆ CỐT LÕI CỦA SUBARU

Công nghệ cốt lõi của Subaru mang đến khả năng vận hành, sự thoải mái, an toàn và đáng tin cậy cho mỗi xe Subaru để đem lại sự phấn khích và an tâm cho mỗi khách hàng.

### Subaru Boxer Engine

Subaru BRZ được trang bị động cơ Subaru Boxer D-4S<sup>\*2</sup> 2.4L được đặt thấp hơn để hạ thấp trọng tâm xe thấp hơn nữa nhằm mang lại hiệu suất xử lý lái tối ưu để xe luôn cân bằng ngay cả khi vào cua.



### AN TOÀN TOÀN DIỆN CÙNG SUBARU

Cùng với những cải tiến của các công nghệ cốt lõi và khả năng bảo vệ khi xảy ra va chạm, Subaru luôn chú trọng cam kết "An Toàn cho mọi người" khi không ngừng phát triển triết lý thiết kế An Toàn Toàn Diện và hướng đến một tương lai không có tai nạn giao thông xảy ra.



Khung xe Gia Cường Hình Nhẫn



Túi khí SRS<sup>\*3</sup>

### SUBARU EYESIGHT CÔNG NGHỆ HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI TIÊN TIẾN

EyeSight<sup>\*4</sup>, Công nghệ hỗ trợ lái xe tiên tiến của Subaru, hoạt động như một đôi mắt thứ hai để hỗ trợ bạn quan sát tình huống phía trước.



<sup>\*2</sup> TOYOTA D-4S là nhãn hiệu được đăng ký của Tập Đoàn Ô Tô Toyota. <sup>\*3</sup> SRS: Hệ thống an toàn dự phòng. Hiệu quả khi được sử dụng cùng với dây đai an toàn. <sup>\*4</sup> EyeSight là hệ thống hỗ trợ lái xe, và có thể không hoạt động tối ưu trong một vài điều kiện lái xe. Người lái luôn chủ động chịu trách nhiệm đến việc lái xe an toàn và tập trung cũng như chấp hành các quy định khi tham gia giao thông. Hiệu quả của hệ thống sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình trạng bảo dưỡng xe, thời tiết và điều kiện đường sá. Tham khảo thêm Hướng dẫn sử dụng cho khách hàng để nắm chi tiết và đầy đủ về cách thức hoạt động của hệ thống và các hạn chế của hệ thống EyeSight, bao gồm các chức năng được liệt kê trong ấn phẩm này.